

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT HUY PHƯƠNG NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT HUY PHƯƠNG NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUY PHUONG NAM PRODUCTION AND CONSTRUCTION INVESTMENT CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH ĐTXD VÀ SX HUY PHƯƠNG NAM

2. Mã số doanh nghiệp: 1900690157

3. Ngày thành lập: 17/08/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 51, Ấp 15, Xã Vĩnh Mỹ B, Huyện Hoà Bình, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

Điện thoại: 0989 255 753

Fax:

Email: lttt050201@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ kinh doanh động vật thuộc danh mục cấm)	4620
7.	Bán buôn thực phẩm (trừ kinh doanh thịt động vật thuộc danh mục cấm)	4632
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Trừ hoạt động kinh doanh có liên quan đến game bắn cá và các game có thưởng khác)	4651
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ hoạt động kinh doanh có liên quan đến game bắn cá và các game có thưởng khác)	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ hoạt động kinh doanh có liên quan đến game bắn cá và các game có thưởng khác)	4659
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13.	Trồng cây ăn quả	0121
14.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141

15.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
16.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
17.	Chăn nuôi gia cầm	0146
18.	Chăn nuôi khác	0149
19.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
20.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
21.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
22.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
23.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
24.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
25.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
26.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)	6820
27.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế xây dựng công trình giao thông, cầu, đường bộ, hệ thống cấp thoát nước và công trình xử lý nước thải, kiến trúc công trình, hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng, hệ thống viễn thông và thông tin liên lạc. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, hoàn thiện công trình cầu, đường bộ thuộc công trình giao thông. - Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. - Tư vấn đấu thầu, mời thầu, phân tích đánh giá các hồ sơ dự thầu, lựa chọn nhà thầu xây dựng. - Đo vẽ hiện trạng công trình xây dựng. - Khảo sát địa hình trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình. - Khảo sát địa chất công trình. - Tư vấn định giá công trình. - Lập và Thẩm tra dự toán, tổng dự toán công trình.	7110
28.	Quảng cáo	7310
29.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
30.	Cho thuê xe có động cơ	7710
31.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
32.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Hoạt động phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật)	0810
33.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
34.	Sản xuất cà phê	1077
35.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610

36.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
37.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
38.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
39.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
40.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
41.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
42.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
43.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới)	5621
44.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
45.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
46.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
47.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
48.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
49.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
50.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
51.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
52.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
53.	Xây dựng nhà để ở	4101
54.	Xây dựng nhà không để ở	4102
55.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
56.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
57.	Xây dựng công trình điện	4221
58.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
59.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
60.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
61.	Xây dựng công trình thủy	4291
62.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
63.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
64.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299(Chính)
65.	Phá dỡ	4311
66.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
67.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
68.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

